CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM

Digitally signed by CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
DN: C=VN, CN=CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM, ST=Hồ Chí Minh, UID=MST:0305683167
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.11.03 08:09:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.2.1

true friend KIM Vietnam Fund Management Company

**CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM**
***KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD.***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM***
***Independence - Freedom - Happiness***

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2026*
*Ho Chi Minh City, November 02, 2026*

Số/ No.: 20261102/DM/FUEKIV30-CBTT

# DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF

# *BASKET OF COMPONENT SECURITIES AND CASH TO EXCHANGE FOR 1 LOT OF ETF*

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ State Securities Commission of Vietnam
*/To:* Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange
*Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants/ Investors*

- Tên quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF KIM GROWTH VN30/ KIM GROWTH VN30 ETF
- Mã chứng khoán/Securities symbol: **FUEKIV30**
- Tên Công ty Quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/
*Fund Management company:* *KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.*
- *Tên Ngân hàng giám sát/* Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/
*Supervisory Bank:* *Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam*
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: **03/11/2026**
- Đơn vị tính lô ETF/ Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/
*1 lot of ETF = 100 000 ETF shares*

**Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:**

| **STT**<br>***No.*** | **Mã chứng khoán**<br>***Securities code*** | **Số lượng CP/ Giá trị (VND)**<br>***Volume/ Amount*** | **Tỷ lệ % trong danh mục**<br>***Weight (%)*** |
|---|---|---|---|
| **I.** | **Chứng khoán/ Securities** | **1.226.440.000** | **98,87%** |
| 1 | ACB | 2.400 | 3,93% |
| 2 | BID | 200 | 0,52% |
| 3 | BSR | 400 | 0,87% |
| 4 | CTG | 600 | 1,44% |
| 5 | FPT | 1.800 | 7,28% |
| 6 | GAS | 100 | 0,62% |
| 7 | GVR | 200 | 0,47% |
| 8 | HDB | 2.500 | 4,41% |
| 9 | HPG | 5.600 | 9,21% |
| 10 | LPB | 1.300 | 3,62% |
| 11 | MBB | 2.200 | 3,33% |
| 12 | MCH | 300 | 3,23% |
| 13 | MSN | 1.000 | 5,59% |
| 14 | MWG | 1.200 | 7,00% |
| 15 | SAB | 200 | 0,67% |
| 16 | SHB | 1.800 | 1,51% |
| 17 | SSB | 900 | 1,09% |
| 18 | SSI | 800 | 1,22% |
| 19 | STB | 900 | 4,72% |
| 20 | TCB | 2.800 | 4,83% |
| 21 | TCX | 200 | 0,42% |
| 22 | VCB | 400 | 1,73% |
| 23 | VHM | 800 | 4,00% |
| 24 | VIB | 1.000 | 1,10% |
| 25 | VIC | 600 | 11,70% |
| 26 | VJC | 300 | 3,20% |
| 27 | VNM | 900 | 4,06% |
| 28 | VPB | 2.600 | 4,52% |
| 29 | VPL | 100 | 0,73% |
| 30 | VRE | 1.000 | 1,85% |
| **II.** | **Tiền/ Cash (VND)** | **14.079.428** | **1,13%** |
| **III.** | **Tổng/ Total (VND)** | **1.240.519.428** | **100%** |

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Spread between a basket and 1 lot of ETF in value
+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ Basket value: (VND) **1.226.440.000**
- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF: (VND) **1.240.519.428**

- Giá trị chênh lệch/ Spread in value: (VND) **14.079.428**
- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the spread
+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component
+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
*Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

**Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ In case stock can be replaced by cash:**

| **STT** *No.* | **Mã chứng khoán** *Securities code* | **Tiền thay thế tương ứng 1 CP/** *Cash Substitution per share (VND)* | **Đối tượng áp dụng/** *Applied to* | **Lý do/** *Reason* |
|---|---|---|---|---|
| 1 | BID | 32.000 | BSC | Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC |
| 2 | SSI | 18.850 | SSI | Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC |
| 3 | GVR | 29.100 | Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit |
| 4 | MWG | 72.400 | Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit |

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)/ State if component securities shall have corporate action
- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ Other informations (if any)
- Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./ We declare that all information provided in this paper is true and accurate; We shall be legally responsible for any mispresentation.

**Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ**
***Authorised Representative of Fund Management Company***

TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM

Hyun Dongsik
CHỦ TỊCH HĐTV

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam**